TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST-HNGĐ	*Hiệp Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Phạm Thị Chuyền.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Ông Vi Đăng Khoa- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày17/05/2023 về việc "*Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân*". Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/05/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

-*Người yêu cầu:*

+ Chị Văn Thị L, sinh năm 1973. Cư trú: Thôn TL, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Nguyễn Xuân V (Tức Nguyễn Văn V), sinh năm 1969. Cư trú: Thôn TL, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Do ông Nguyễn Tiến D- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã TT là đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Người yêu cầu chị Văn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân V (Tức Nguyễn Văn V) kết hôn với nhau ngày 01/9/1989 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (cũ) nay là tỉnh Bắc Giang và đã được UBND xã TT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/1989 vào sổ quyển số 03. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn do không hiểu biết về pháp luật nên vợ chồng chị đã khai sai ngày tháng năm sinh khi tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (cũ) nay là tỉnh Bắc Giang. Cụ thể: Chị khai là Văn Thị L, sinh năm 1971. Nơi thường trú: Thôn DD, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang). Nhưng toàn bộ giấy tờ tùy thân của chị và căn cước công dân của chị tên là Văn Thị L, sinh ngày 02/4/1973 theo Căn cước công dân số: 024173016136 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/12/2021. Chồnglà anh Nguyễn Xuân V khai là: Nguyễn Văn V,

sinh năm 1968. Nơi thường trú: Thôn Tân Hiệp, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang). Nhưng trên toàn bộ giấy tờ tùy thân và theo căn cước công dân của anh V thì anh V tên đầy đủ là: Nguyễn Xuân V, sinh ngày 29/03/1969, căn cước công dân số: 024069009244 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/12/2021. Vì vậy, tính đến ngày 01/9/1989 thì chị chưa được 18 tuổi nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Chị cũng đã đề nghị UBND xã TT xác nhận anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1968. Nơi thường trú: Thôn Tân Hiệp, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) trong Giấy chứng nhận quyết hôn số: 15/1989 quyển số 03 ngày 01/9/1989 của UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (cũ) (nay là Tỉnh Bắc Giang) và Nguyễn Xuân V, sinh ngày 29/03/1969 căn cước công dân số: 024069009244 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/12/2021 là cùng một người.

Hiện naychị và anh Xuân vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng, chị yêu cầuTòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Xuân V được xác lập kể từ ngày chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986 (18 tuổi) là ngày 03/4/1990.

Chị nhận chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

* Người yêu cầu là anh Nguyễn Xuân V (Tức Nguyễn Văn V) trình bày: Anh và chị Văn Thị L kết hôn ngày 01/9/1989 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (cũ) nay là tỉnh Bắc Giang và đã được UBND xã TT cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 15/1989 vào sổ quyền số 03. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn do không hiểu biết về pháp luật nên anh và chị L anh đã khai sai ngày tháng năm sinh khi tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (cũ) nay là tỉnh Bắc Giang. Cụ thể: Chị L khai là Văn Thị L, sinh năm 1971. Còn anh khai là: Nguyễn Văn V, sinh năm 1968. Nhưng trên toàn bộ giấy tờ tùy thân và theo căn cước công dân của anh thì anh tên là: Anh Nguyễn Xuân V, sinh ngày 29/03/1969 căn cước công dân số: 024069009244 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/12/2021. Tính đến ngày 01/9/1989 thì chị L chưa được 18 tuổi nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Anh và chị L vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Nay anh yêu cầuTòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh được xác lập kể từ ngày chị L đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986 (18 tuổi) là ngày 03/4/1990. Anh nhất trí với ý kiến của chị L về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã TT do ông Nguyễn Tiến D- Chủ tịch làm đại diện, ông Dịu trình bày: Hiện nay UBND xã TT không còn lưu giữ được Sổ kết hôn năm 1989. Theo tài liệu vợ chồng anh V, chị L cung cấp: Ngày 01/9/1989, UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) đã thực hiện đăng ký kết hôn cho vợ chồng chị Văn Thị L, sinh năm 1971.

Nơi thường trú: Thôn DD, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) và anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1968. Nơi thường trú: Thôn Tân Hiệp, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) theo Giấy chứng nhận quyết hôn số: 15/1989 quyển số 03.Tuy nhiên trên thực tế chị Văn Thị L, sinh ngày 02/4/1973, anhNguyễn Xuân V, sinh ngày 29/03/1969. Nên tại thời điểm kết hôn (ngày 01/9/1989) chị Văn Thị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Xuân V khai sai tên khi đăng ký kết hôn là Nguyễn Văn V.

Vì vậy UBND xã TT xác định việc kết hôn giữa chị Văn Thị L và anh Nguyễn Xuân V theo Giấy chứng nhận quyết hôn số15/1989 quyển số 03 ngày 01/9/1989 của UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (nay là Tỉnh Bắc Giang) là trái với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, kể từ khi kết hôn đến thời điểm hiện nay vợ chồng chị Văn Thị L và anh Nguyễn Xuân V vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Chị Văn Thị L và anh Nguyễn Xuân V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa chịL và anh V kể từ thời điểm vợ chồng đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân gia đình tại thời điểm vợ chồng kết hôn thì UBND xã TT đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 5, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Văn Thị L và anh Nguyễn Xuân V (Tức Nguyễn Văn V): Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Văn Thị L, sinh ngày 02/04/1973 và anh Nguyễn Xuân V, sinh ngày 29/03/1969, đều cư trú: Thôn TL, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được xác lập từ ngày 03/04/1990.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Văn Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sựsơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai số 0002717 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp. Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã TT do ông Nguyễn Tiến Dịu đại diện có đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết việc dân sự. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp theo thủ tục vắng mặt UBND nhân dân xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Văn Thị Lvà anh Nguyễn Xuân V có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Vthì xác định là việc dân sự "*Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân*". Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 29, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu của người yêu cầu: Chị Văn Thị L và anh Nguyễn Xuân V yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân được xác lập kể từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn thì thấy: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ việc dân sự thì xác định được chị Văn Thị L sinh ngày 02/4/1973. Ngày 01/9/1989, chị Văn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Xuân V và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, như vậy tại thời điểm kết hôn thì chị L mới được 16 năm 04 tháng 29 ngày tuổi. Theo quy định tại Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 thì điều kiện kết hôn nữ từ 18 tuổi mới được kết hôn. Tại thời điểm chị L và anh V kết hôn thì chị L chưa được 18 tuổi, do đó xác định việc kết hôn giữa chị L và anh V là trái pháp luật theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị L, anh V và các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự thì xác địnhchị L và anh V vẫn chung sốnghạnh phúc từ ngày 01/9/1989 đến nay, không phát sinh mâu thuẫn gì.Nay cả chị Văn Thị L và anh Nguyễn Xuân V yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn (là ngày 03/4/1990); UBND xã TT đồng ý với yêu cầu của chị L và anh V. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L và anh V. Vì vậy việc chị L, anh V yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn (là ngày 03/4/1990) là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về lệ phí: Chị Văn Thị Lnhận chịu cả lệ phígiải quyết việc dân sự sơ thẩm nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị L. ChịL phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Văn Thị L và anh Nguyễn Xuân V (Tức Nguyễn Văn V): Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Văn Thị L, sinh ngày 02/04/1973và anh Nguyễn Xuân V, sinh ngày 29/03/1969, đều cư trú: Thôn TL, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giangđược xác lập từngày 03/04/1990.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Văn Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sựsơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai số 0002717ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã TT ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN –CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Phạm Thị Chuyền

Đã ký